

3. Chỉ có một văn phạm chung

Văn phạm (grammar) là môn học để nói và viết *đúng*, và *chính xác*, một ngôn ngữ bằng cách áp dụng các định luật chung của *ngôn ngữ của con người* (*human language*). Văn phạm căn cứ vào *luận lý hình thức* (*formal logic*).

Trong khoa học, con người không sáng tạo ra các định luật. Tất cả các định luật là của thiên nhiên. Từ nguyên thủy cho đến ngày nay, thiên nhiên đã và đang hoạt động theo các định luật ấy. Con người, bằng trí khôn của mình, đã khám phá ra một số định luật của thiên nhiên. Chẳng hạn, các nhà khoa học không sáng tạo ra các định luật vật lý hay hóa học; các nhà khoa học chỉ là những người đã khám phá ra các định luật vật lý hay hóa học, đã và đang hoạt động trong thiên nhiên từ muôn đời nay rồi.

Tương tự như vậy, *ngôn ngữ của con người hoạt động theo các định luật của nó*. Nghĩa là, con người không sáng tạo ra các định luật của ngôn ngữ; con người chỉ khảo sát, nghiên cứu, và khám phá ra các định luật của ngôn ngữ của con người, như nó đã và đang hiện hữu. Đó là **văn phạm**.

Lịch sử cho thấy, con người đã tìm hiểu các mẹo luật của ngôn ngữ từ thời thượng cổ, ít nhất là từ 200 năm trước Công nguyên. Tuy nhiên, theo Merriam-Webster's 11th Collegiate Dictionary, hạng từ *grammar* mới có từ Thế Kỷ 14. Điều đó cho thấy, các định luật của ngôn ngữ của con người, được khám phá và thành hệ thống như hiện nay, chỉ cách đây hơn 6 thế kỷ.

Ngôn ngữ của các dân tộc khác nhau, được ghi bằng các ký hiệu khác nhau, có thể có một vài đặc tính riêng, nhưng đều *hoạt động* theo các định luật chung của ngôn ngữ của con người.

Trên Trái Đất, có thể có hàng chục ngàn ngôn ngữ khác nhau. Trong số này, nhiều ngôn ngữ vẫn còn ở tình trạng thô sơ, và chỉ được dùng cho các bộ lạc, hoặc các nhóm ít người. Chỉ có một số ít ngôn ngữ đã đạt đến trình độ cao, nghĩa là có thể hoạt động theo các định luật chung, để có thể làm phương tiện thông tin giữa con người với nhau, một cách chính xác hay tương đối chính xác.

3.1

Một số định luật căn bản của ngôn ngữ của con người

Tất cả các ngôn ngữ trên Trái Đất, đã đạt đến trình độ cao, đều hoạt động theo các định luật chung của *ngôn ngữ của con người (human language)*. Các định luật căn bản của ngôn ngữ của con người gồm có hai phần.

(1) Các chữ căn bản của văn phạm

- **Danh từ** (noun/ nom) là chữ, hay nhóm chữ, dùng để gọi tên một vật chất (cụ thể) hay một ý niệm (trừu tượng).
- **Động từ** (verb/ verbe) là chữ dùng để thể hiện một động tác, một hành động, một tình trạng hiện hữu, hay việc xảy ra.
- **Tính từ** (adjective/ adjectif) là chữ cho thông tin về một danh từ.
- **Trạng từ** (adverb/ adverbe) là chữ cho thông tin về 1 trong 5 chữ sau đây: động từ, tính từ, trạng từ khác, giới từ, liên từ.
- **Giới từ** (preposition/ préposition) là chữ cần thiết, dùng để kết hợp hai chữ khác, để tạo nên ý nghĩa; nếu không có giới từ để kết hợp, hai chữ ấy đứng liền nhau sẽ không có nghĩa, hoặc không rõ nghĩa.
- **Liên từ** (conjunction/ conjonction) là chữ dùng để nối các chữ, hay nhóm chữ, hay tập hợp chữ, tương đương.
- **Mạo từ** (article/ article) là chữ dùng để cho thông tin về danh từ đứng liền sau nó; thông thường, mạo từ cho thông tin về:
 - định tính (xác định hay bất định),
 - định lượng (số ít hay số nhiều),
 - giống (giống cái, giống đực, hay giống trung tính),
 - v.v.⁽¹⁾

(1) Tùy theo ngôn ngữ, mạo từ có thể cho đầy đủ, hoặc không đầy đủ, các thông tin trên đây, hoặc có thể cho thêm các thông tin khác nữa, như mạo từ của Tiếng Việt, chẳng hạn. Xem Chương 1, Mục 1.7 *Mạo từ*.

Theo định nghĩa trên, mạo từ cho biết chữ đứng liền sau nó, là *danh từ*.

(2) Mệnh đề và câu

- *Mệnh đề (clause/ proposition) là một tập hợp chữ có một, và chỉ một, động từ; một mệnh đề có thể tự nó có đầy đủ ý nghĩa, hoặc chưa đầy đủ ý nghĩa, và cần phải nhận thêm thông tin từ một mệnh đề khác.*
- *Câu (sentence/ phrase) là một tập hợp (set/ ensemble) của các mệnh đề; mệnh đề là một tập hợp nhỏ (subset/ sous-ensemble) của một câu. Một câu tự nó có đầy đủ ý nghĩa.*

Động từ là cốt lõi của một mệnh đề, hay một câu. Như vậy, một tập hợp chữ là một mệnh đề hay một câu, nếu và chỉ nếu, tập hợp chữ ấy *có động từ*. Nói khác đi, một tập hợp chữ *không có động từ*, thì không phải là một mệnh đề hay một câu.

Về phân tích luận lý, một mệnh đề có cấu trúc là một tập hợp như sau,

$$\text{Mệnh đề} = \{ \text{chủ từ, } \underline{\text{động từ}}, \text{túc từ} \}$$

- Thứ tự của *chủ từ, động từ, và túc từ* không thành vấn đề.
- Tùy trường hợp, cấu trúc kể trên có thể vắng mặt *chủ từ* (thể tỉnh lược), hoặc không có *túc từ*, nhưng *không thể không có động từ* (có mặt, hay tỉnh lược).

Trên đây là một số định luật căn bản mà con người đã biết về *ngôn ngữ của con người*. Trong tương lai, những người nghiên cứu văn phạm và ngôn ngữ có thể sẽ tìm thấy những định luật khác nữa.

Một vài tác giả lấy cấu trúc sau đây của luận lý học, để dùng cho văn phạm:

$$\begin{array}{l} \text{chủ ngữ} + \text{vị ngữ} \\ \text{(subject)} \quad \text{(predicate)} \end{array}$$

Thông thường, cấu trúc này chỉ dùng trong luận lý học (logic), nhưng không dùng trong văn phạm. Có 3 lý do để văn phạm không thể dùng cách phân tích {chủ ngữ + vị ngữ} của luận lý học.

- (1) Cách phân tích này không cho thấy *tên gọi văn phạm* của tất cả các loại chữ trong một câu, và mối liên quan văn phạm giữa các chữ ấy. Do đó, cách phân tích này không giúp người ta nhận ra một câu là đúng hay sai văn phạm, và chính xác hay không chính xác. Giúp người ta viết đúng, và chính xác, đó là mục đích của văn phạm.
- (2) Văn phạm có thể phân tích bất kỳ loại câu nào trong ngôn ngữ. Trong khi đó, trong luận lý học, một câu phải diễn tả một mối liên quan luận lý nào đó, có tính chất phổ quát, chỉ dùng động từ là (*to be*), và vị ngữ không thể là *tính từ*, mà phải là một *danh từ*, cho tương ứng với chủ ngữ, là một *danh từ*. Nghĩa là, một câu trong luận lý học phải được viết theo một hình thức riêng.

Dưới đây là ví dụ về cách viết một câu trong luận lý học.

Không thuộc luận lý học

Mọi con cọp thì ăn thịt sống.
(All tigers are carnivorous.)

Mọi con mèo ăn chuột.
(All cats eat mice.)

Thuộc luận lý học

Mọi con cọp là những con vật ăn thịt sống.
(All tigers are carnivorous animals.)

Mọi con mèo là những con vật ăn chuột.
(All cats are animals that eat mice/
All cats are mouse-eaters.)

Hình thức {chủ ngữ + vị ngữ} chỉ dùng để phân tích một câu trong luận lý học, nếu câu ấy thỏa mãn điều kiện là, phải thể hiện một mối liên quan nào đó (categorical form). Một câu trong luận lý học phải *có điều kiện*, nghĩa là phải được viết theo đúng kiểu cách của luận lý học; một câu trong ngôn ngữ thường thì viết sao cũng được, nghĩa là *viết tự do*. Văn phạm là môn học khảo sát tất cả các loại câu trong ngôn ngữ thường. Văn phạm và luận lý học là hai môn khác nhau. Văn phạm giúp người ta *viết đúng* (không kể suy nghĩ đúng hay sai); luận lý học giúp người ta biết cách *suy nghĩ đúng*.

- (3) Thật ra, muốn viết một câu thuộc luận lý học cho đúng, vẫn phải biết văn phạm, thì mới viết đúng được.

3.2

Ngôn ngữ của tất cả các dân tộc đều có cấu trúc giống nhau (isomorphism)

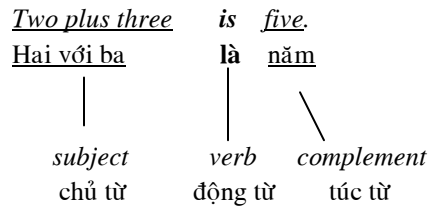
Người ta có thể dịch một câu đơn giản của Tiếng Anh ra Tiếng Việt, như sau.

Tiếng Anh	<i>Two plus three is five.</i>
Tiếng Việt	<i>Hai với ba là năm.</i>

Để cho thấy Tiếng Anh và Tiếng Việt có cấu trúc giống nhau, người ta cần thiết phải chứng minh rằng phép *ánh xạ* (*mapping*) từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt là một *đẳng cấu* (*isomorphism*).

Gọi phép ánh xạ từ Tiếng Anh (E) sang Tiếng Việt (V) là $\phi: E \rightarrow V$.

- (1) ϕ (*Two*) = Hai,
 ϕ (*plus*) = với,
 ϕ (*three*) = ba,
 ϕ (*is*) = là,
 ϕ (*five*) = năm.



Như vậy, phép ánh xạ này có đặc tính *từ-một-đến-một* (one-to-one) và *đầy-đủ* (onto), cũng gọi là *tương ứng từ-một-đến-một* (one-to-one correspondence).

- (2) *Dịch* (translation) là một “phép toán” (operation) được duy trì (preserved) trong phép ánh xạ ϕ .

Hai tính chất (1) và (2) cho thấy câu Tiếng Anh và câu Tiếng Việt là đẳng cấu (isomorphic), nghĩa là có cấu trúc giống nhau. Một câu dài và phức tạp của Tiếng Anh, nếu được dịch ra thật sát nghĩa (nghĩa là phải theo cách nói của Người Anh hay Người Mỹ) bằng một câu Tiếng Việt, khi phân tích, người ta sẽ thấy cả hai câu cũng đều có cấu trúc giống nhau.

Ghi chú

Nhiều người dịch chủ trương, khi dịch từ một tiếng nước ngoài ra Tiếng Việt, nên viết lại theo cách nói của Người Việt. Trường hợp này, người ta sẽ rất khó nhận ra cấu trúc giống nhau giữa tiếng nước ngoài và Tiếng Việt.

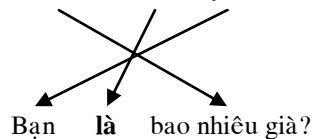
Ví dụ

How old are you?

Bạn mấy tuổi? (dịch theo cách nói của Người Việt)

Bạn là bao nhiêu già? (dịch theo cách nói của Người Anh)

How old are you?



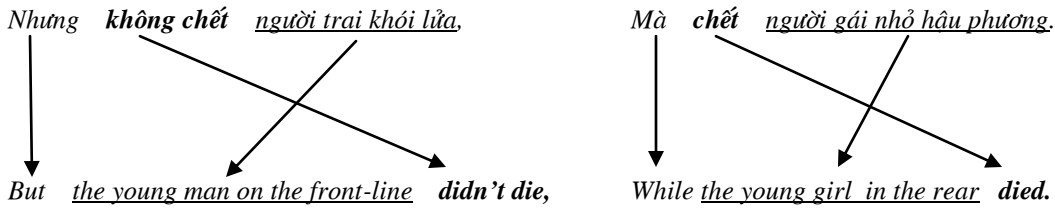
Cách dịch sát nghĩa (theo cách nói của Người Anh) cho thấy câu Tiếng Anh và câu Tiếng Việt là *tương ứng từ-một-đến-một*.

Dịch theo cách nói của Người Việt có cái hay riêng. Tuy nhiên, cách dịch sát nghĩa, theo cách nói của người nước ngoài, sẽ là dịp cho người đọc Việt Nam biết về cách diễn tả ý nghĩ của các dân tộc khác, cũng như phong tục tập quán và nếp sống của họ.

Nói tóm lại, khi người ta có thể dịch từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác, điều đó chứng tỏ rằng tất cả các ngôn ngữ của con người đều có cấu trúc giống nhau. Bởi đó, các dân tộc khác nhau, dùng ngôn ngữ khác nhau, có thể thông tin với nhau.

Các phần tử của tập hợp {chủ từ, động từ, túc từ} có thể đứng theo thứ tự bất kỳ.

Có thể lấy câu thơ của Hữu Loan làm ví dụ.



Câu thơ Việt có cấu trúc ngược,

động từ + chủ từ.

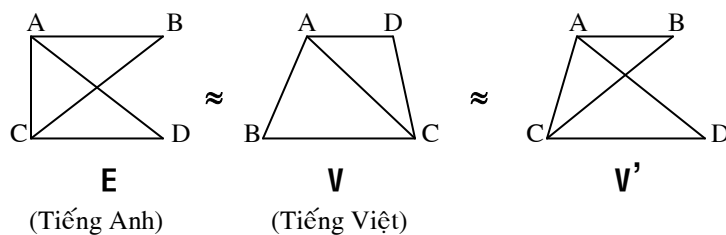
Nhưng không chết người trai khói lửa



Viết xuôi, sẽ là: *Nhưng người trai khói lửa không chết*

Tuy không theo thứ tự thông thường của cấu trúc {chủ từ, động từ}, câu trên vẫn cho thấy Tiếng Việt và các thứ tiếng khác là có cấu trúc giống nhau. Có thể dùng ý niệm về đẳng cấu (isomorphism) trong lý thuyết biểu đồ (graph theory) để nhận ra, trong trường hợp viết ngược, Tiếng Việt và các thứ tiếng khác vẫn là đẳng cấu (isomorphic).

Xét hai biểu đồ dưới đây, tương trưng cho cấu trúc của Tiếng Anh và Tiếng Việt.



Thoạt nhìn hai biểu đồ E và V, người ta có cảm tưởng cấu trúc của chúng không giống nhau (non-isomorphic), vì Tiếng Anh chỉ viết xuôi, trong khi Tiếng Việt viết ngược, không theo cùng một thứ tự; thật ra, hai biểu đồ E và V có cấu trúc giống nhau, vì:

- hai đỉnh A và C cùng là bậc 3 (tương tự, cùng một loại chữ trong văn phạm);
- hai đỉnh B và D cùng là bậc 2 (“ ”);
- tương ứng từ-một-đến-một của các đỉnh và các cạnh, từ biểu đồ E đến biểu đồ V.
- Dịch (translation) là một “phép toán” (operation) trong ánh xạ (mapping): E → V.

Nếu người ta sửa biểu đồ V thành biểu đồ V' tương đương với V, người ta sẽ nhìn thấy rõ hơn, là E và V' có cấu trúc giống nhau, nghĩa là $E \approx V \approx V'$.

Nói tóm lại, các ngôn ngữ khác nhau đều có cấu trúc giống nhau, mặc dầu chúng theo hay không theo thứ tự **chủ từ, động từ, túc từ**.

Văn phạm chung của ngôn ngữ của con người bao gồm các định luật căn bản, như đã trình bày ở trên. Mỗi dân tộc, tùy theo các đặc tính ngôn ngữ riêng của họ, sẽ áp dụng các định luật căn bản chung của ngôn ngữ của con người, sao cho phù hợp với cách diễn tả ý nghĩ của họ, vì *hiều dân tộc khác nhau có thể có những cách diễn tả ý nghĩ khác nhau*.

Ví dụ về cách diễn tả ý nghĩ khác nhau (chữ **in đậm** là **động từ**).

Người Việt nói

Ông tên gì?

(What **do** you **name** yourself?)

Tôi tên Nguyễn Văn Nam.

(I **name** myself Nguyễn Văn Nam.)

*Ông mấy tuổi?**

(How many years **do** you **have**?)

*Tôi bốn mươi tuổi.**

(I **have** forty years.)

Người Mỹ nói

*What **is** your name?*

(Tên của ông là gì?)

My name is Bill Thompson.

(Tên của tôi là Bill Thompson.)

*How old **are** you?*

(Ông là bao nhiêu già?)

*I **am** forty-year old.*

(Tôi là bốn mươi năm già.)

* Động từ tỉnh lược: Ông [**có**] mấy tuổi? Tôi [**có**] bốn mươi tuổi.

Các ví dụ trên cho thấy, nếu Người Mỹ dịch Tiếng Việt ra Tiếng Anh thật sát nghĩa (không cần dịch cho “hay”), và Người Việt dịch Tiếng Anh ra Tiếng Việt thật sát nghĩa (nghĩa là cả hai bên đều tôn trọng cách diễn tả ý nghĩ của nhau), người ta sẽ thấy rõ cấu trúc của Tiếng Việt và Tiếng Anh là đẳng cấu: có một *tương ứng từ-một-đến-một*.

Dịch cho “hay”, tức là dịch ra theo cách diễn tả ý nghĩ của mình (không cần sát nghĩa), người ta sẽ không thấy rõ tương ứng từ-một-đến-một giữa hai ngôn ngữ:

*I **do not object** to your reading this book.*

(1 verb)

*Tôi **không phản đối** việc anh **đọc** sách này*

(dịch cho hay, 2 động từ)

Lê Bá Kông

*Tôi **không phản đối** về việc **đọc** sách này của anh.*

(dịch sát nghĩa, 1 động từ)

Một Người Mỹ, quen chính xác, có thể sẽ dịch lại câu Tiếng Việt của Lê Bá Kông:

*I **do not object** that you **read** this book.*

(2 verbs)

Sau đây là vài ví dụ về cấu trúc giống nhau, trong những câu dài, gồm nhiều mệnh đề. Để nhìn thấy rõ tính chất *tương ứng từ-một-đến-một*, câu Tiếng Anh hay Tiếng Pháp có *bao nhiêu động từ*, câu dịch ra Tiếng Việt cũng phải có *bấy nhiêu động từ*. Đó là cách dịch sát nghĩa (không chú ý đến dịch “hay” hay dịch “dở”).

1 After the garden **is abandoned**, the forest quickly **moves in to reclaim it**,

*Sau khi khu vườn bị bỏ hoang, cánh rừng nhanh chóng **đồn sức lực để phục hồi nó**,*

and within twenty years it is covered by thriving secondary forest;

*và trong vòng hai mươi năm nó đã **được phủ** bởi sự lớn lên của cánh rừng lớp hai;*

in fifty years only a forestry expert, or an Indian, would know that

trong năm mươi năm chỉ một chuyên viên kiểm lâm, hay một người Indian, mới biết rằng

the jungle cover was not primeval.

lớp ngoài của cánh rừng đã không phải như xưa.

Murphy, Yoland and Murphy, Robert F. *Women of the Forest*. New York: Columbia University Press, 1985.

2 Elle **n'avait point envie de redescendre** au salon auprès de sa mère

Nàng không hề muốn đi xuống lại phòng khách bên cạnh mẹ nàng

qui sommeillait; et elle songeait à une promenade; mais la campagne

đang ngủ; và nàng mơ đến một cuộc đi dạo; nhưng cánh đồng

semblait si triste qu'elle sentait en son cœur, rien qu'à la regarder par la

đường như buồn đến nỗi, chỉ cần nhìn nó qua cửa sổ, nàng cảm thấy ở trong lòng nàng

fenêtre, une pesanteur de mélancolie.

một trĩu nặng của nỗi buồn man mác.

Maupassant, Guy de. *Une Vie*. Paris: GF-Flammarion, 1993.

3 A freely falling object **is** an object moving under the influence of gravity only,

Một vật rơi tự do là một vật chuyển động chỉ dưới ảnh hưởng của lực hấp dẫn,

regardless of its initial motion. Objects thrown upward or downward

không kể đến chuyển động ban đầu của nó. Những vật được ném lên hay xuống

and those released from rest **are all falling freely once they are released!**

và những vật được thả từ điểm đứng, đều là rơi tự do một khi chúng được thả ra!

Once they **are** in free fall, all objects **have** an acceleration downward,

Một khi chúng là ở trong sự rơi tự do, tất cả các vật đều có một gia tốc hướng xuống,

which **is** the free-fall acceleration g .

đó là gia tốc rơi tự do g .

Serway, Raymond A. and Faughn, Jerry S. *College Physics*. Fort Worth: Saunders College Publishing, 1995, Fifth Ed.

4 Head-snapping changes in the weather like this inevitably **raise** the question, **Is** global warming to blame? For years, environmentalists **have warned** that one of first and most reliable signs of a climatological crash **would be** an upsurge in the most violent hurricanes, the kind that **thrive** in a suddenly warmer world. Scientists **are quick to point out** that changes in the weather and climate change **are** two different things. But now, after watching two Gulf Coast hurricanes **reach** Category 5 in the space of four weeks, even skeptical scientists **are starting to wonder** whether something serious **might be going on**.

Kluger, Jeffrey. (2005, October 3). Evidence mounts that human activity is helping fuel these monster hurricanes. *Time*, Vol 166, No. 14.

*Những thay đổi quá đột ngột trong thời tiết như thế dường như không tránh khỏi **dấy lên** câu hỏi, **Có phải là** sự hâm nóng địa cầu gây ra? Trong nhiều năm, những người bảo vệ môi trường **có cảnh báo** rằng một trong những dấu hiệu đầu tiên và đáng tin tưởng nhất của một sự sụp đổ về khí hậu **có thể sẽ là** một bộc phát trong những trận bão dữ dội nhất, một loại đang **nổi lên** trong một thế giới đột ngột ấm lên. Những nhà khoa học nhanh chóng **vạch ra** rằng những sự thay đổi trong thời tiết, và khí hậu thay đổi, **là** hai việc khác nhau. Nhưng bây giờ, sau khi nhìn hai trận bão ở Gulf Coast **lên đến Cấp 5** trong vòng bốn tuần lễ, ngay cả những nhà khoa học còn ngờ vực, **đang bắt đầu ngạc nhiên** có phải một cái gì nghiêm trọng **có thể sắp sửa xảy ra**.*

Các ví dụ trên cho thấy, mặc dầu các ngôn ngữ khác nhau về đặc tính, như biến dạng và không biến dạng, đa âm và đơn âm, đơn từ và đa từ, chính xác và kém chính xác, tinh tế và kém tinh tế, tuy nhiên, nếu chúng được dịch thật sát nghĩa có thể được, người ta sẽ thấy có một *tương ứng từ-một-đến-một* giữa các ngôn ngữ đã đạt đến trình độ cao. Khi dịch từ ngôn ngữ A ra ngôn ngữ B, nguyên tắc sau đây sẽ giúp người ta nhận ra tương ứng từ-một-đến-một giữa các ngôn ngữ:

- *Một câu của ngôn ngữ A có bao nhiêu động từ, câu dịch ra ngôn ngữ B cũng phải có bấy nhiêu động từ. Các chữ khác, ngoài động từ, sẽ tự động tương ứng với nhau, từ-một-đến-một, vì sự đẳng cấu của các ngôn ngữ.*

Cấu trúc giống nhau, đó là điều kiện để các dân tộc, dùng ngôn ngữ khác nhau, có thể thông tin với nhau.

3.3

Nhiệm vụ văn phạm giống nhau của các chữ căn bản

Các chữ căn bản của mọi ngôn ngữ đều có nhiệm vụ văn phạm như nhau, gồm có:
đanh từ, động từ, tĩnh từ, trạng từ, mạo từ, giới từ, và liên từ.

Riêng về *trạng từ*, định nghĩa được dùng từ trước, là,
Trạng từ là chữ cho thông tin về 1 trong 3 loại chữ:

- *động từ,*
- *tĩnh từ,*
- *trạng từ khác.*

Nghiên cứu văn phạm mới nhất cho thấy,
Trạng từ là chữ cho thông tin về 1 trong 5 loại chữ:

- *động từ,*
- *tĩnh từ,*
- *trạng từ khác,*
- *giới từ,*
- *liên từ.*

(Lê Bá Kông. *Văn Phạm Anh Văn (toàn bộ) – English Grammar for Vietnamese Learners*. Houston: Zieles, 1993, Revised Ed.)

Người đọc có thể xem định nghĩa các chữ căn bản trên đây trong sách văn phạm của một số ngôn ngữ được dùng phổ biến, như Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Đức . . . , hoặc nhanh hơn, xem trong tự điển của các ngôn ngữ này. Cách viết các định nghĩa có khác nhau chút ít, nhưng nội dung là một, nghĩa là có cùng một nghĩa.

Sau đây là một ví dụ về mạo từ trong các ngôn ngữ, có nhiệm vụ văn phạm như nhau. Theo định nghĩa, mạo từ cho biết chữ đứng liền sau nó, là *danh từ*.

Tiếng Việt

*Khi vui quên cả **cái già**;*

Khi say chẳng giốc giang hà cũng say.

Tản Đà

Thông thường, chữ **già** là tính từ; trong trường hợp này, chữ **già** là một *danh từ*, vì nó đứng liền sau mạo từ **cái**.

Tiếng Anh

*If a free society cannot help **the many** who are poor, it cannot save **the few** who are rich.*

John F. Kennedy

Thông thường, các chữ **many** và **few** là các tính từ (adjectives); trong trường hợp này, các chữ **many** và **few** là hai danh từ (nouns), vì chúng đứng liền sau mạo từ **the**.

Tiếng Pháp

***Le Simple** n'est pas **le Facile**.*

Le Corbusier

Thông thường, các chữ **Simple** và **Facile** là các tính từ; trong trường hợp này, các chữ **Simple** và **Facile** là hai danh từ, vì chúng đứng liền sau mạo từ **le**.

3.4

Hệ quả của sự đẳng cấu của tất cả mọi ngôn ngữ

Liền khi chữ quốc ngữ trở thành chữ viết chánh thức của Việt Nam, Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, và Phạm Duy Khiêm, đã viết quyển *Việt Nam văn phạm*, dựa vào các định luật chung của ngôn ngữ của con người, có sẵn trong *văn phạm Pháp*, để đặt nền móng cho văn phạm Tiếng Việt, cách nay đã hơn nửa thế kỷ. Công trình đầu tiên ấy, tuy còn thô sơ, nhưng là một mở đường hoàn toàn hợp lý, và đúng hướng. Từ đó đến nay, văn phạm Việt Nam vẫn còn trong tình trạng đang được hoàn thiện dần dần. Bởi, có rất ít tác giả Việt Nam quan tâm nghiên cứu văn phạm Tiếng Việt. Ngoài ra, một số những người nghiên cứu ngôn ngữ học của Việt Nam đã và đang phủ nhận nền móng văn phạm chung của *ngôn ngữ của con người* – một nền móng đúng – trong quyển sách mở đường *Việt Nam văn phạm* của các tác giả mở đường kể trên.

Người ta có thể nhìn hiện tượng sau đây, để thấy rõ rằng *chỉ có một văn phạm chung* cho tất cả mọi ngôn ngữ của con người trên Trái Đất.

- Những Người Việt biết ít nhất một tiếng nước ngoài (Anh, Pháp, Đức, Nga . . .), mặc dầu không học văn phạm Tiếng Việt, vẫn viết Tiếng Việt đúng văn phạm. Lý do là, cấu trúc của Tiếng Việt và của các thứ tiếng khác đều giống nhau. Những Người Việt đã có học văn phạm của tiếng nước ngoài, chỉ cần áp dụng các định luật căn bản của văn phạm chung, là đủ để viết Tiếng Việt đúng văn phạm. Khi viết Tiếng Việt, Người Việt có thể *liên tưởng đến phần căn bản* của văn phạm các nước này, để viết đúng Tiếng Việt. Đó là một hiện tượng rất bình thường, vì mọi ngôn ngữ đều phải tuân theo các định luật chung của ngôn ngữ của con người, và chỉ cần học thêm các chi tiết tạo nên bởi các đặc tính riêng của ngôn ngữ ấy. Chẳng hạn, dầu là ngôn ngữ nào, người ta cũng biết rằng, *tính từ là chữ cho thông tin về một danh từ, mạo từ là chữ cho thông tin về danh từ đứng liền sau nó*, v.v.
- Những Người Việt không được học văn phạm Tiếng Việt, và không biết tiếng nước ngoài, nghĩa là hoàn toàn không biết gì về văn phạm, hầu hết đều viết Tiếng Việt sai văn phạm. Giả sử thành phần này chiếm 70% dân số, sẽ có 70% Người Việt viết Tiếng Việt sai văn phạm.
- Các sinh viên Việt Nam trong nước, nếu biết rành văn phạm Tiếng Việt, khi đi du học ở nước ngoài, sẽ cảm thấy học văn phạm, và viết đúng văn phạm của tiếng nước ngoài, là một việc không có gì khó, do sự liên tưởng từ các định luật căn bản của ngôn ngữ của con người, có trong văn phạm Tiếng Việt. Ngược lại, các sinh viên sanh ra và lớn lên ở nước ngoài, được học văn phạm tiếng nước ngoài, nhưng không có học văn phạm Tiếng Việt, cũng sẽ viết Tiếng Việt đúng văn phạm, do sự liên tưởng từ văn phạm tiếng nước ngoài.

Tất cả các ngôn ngữ của con người đều có cấu trúc giống nhau; điều đó cho thấy chỉ có một văn phạm chung cho tất cả các ngôn ngữ trên Trái Đất.

Những người dịch sách, hay dịch tin tức trên báo chí, nghĩa là những người chung đụng hàng ngày với nhiều ngôn ngữ khác nhau, đều hiểu rõ là, tất cả mọi ngôn ngữ đều có phần văn phạm căn bản giống nhau, vì có *cấu trúc giống nhau*.

3.5

Kỹ thuật có nhiều; khoa học ngôn ngữ chỉ có một

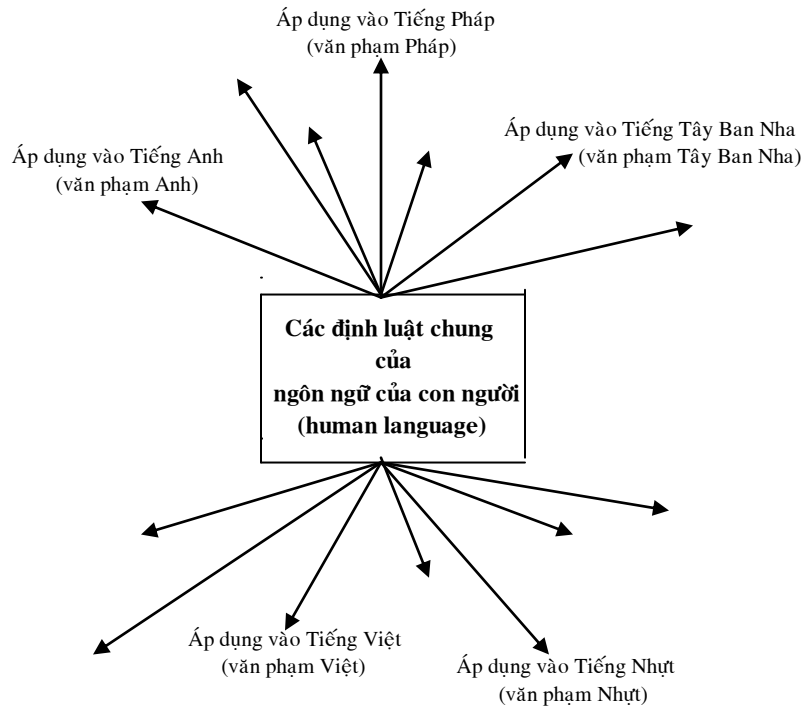
Các dẫn chứng ở phần trên cho thấy, các dân tộc khác nhau trên Trái Đất, có thể có những cách diễn tả ý nghĩa khác nhau, qua ngôn ngữ của họ. Kỹ thuật diễn tả ý nghĩa là riêng của từng dân tộc. Dưới đây, là cách diễn tả các số đếm (18 và 40) của nhiều ngôn ngữ khác nhau. Trích Katz, Victor J. *A History of Mathematics*. Massachusetts: Addison-Wesley, 1998, 2nd Ed.

18			
<i>English</i>	eighteen	8, 10	(ten becomes teen)
<i>Welsh</i>	deu naw	2 x 9	(deu from dau = 2, naw = 9)
<i>Hebrew</i>	shmona-eser	8, 10	(shmona = 8, eser = 10)
<i>Yoruba</i>	eeji din logun	20 less 2	(ogun = 20, eeji = 2)
<i>Chinese</i>	shih-pa	10, 8	(shih = 10, pa = 8)
<i>Sanskrit</i>	asta-dasa	8, 10	(asta = 8, dasa = 10)
<i>Mayan</i>	uaxac-lahun	8, 10	(uaxac = 8, lahun = 10)
<i>Latin</i>	duodeviginti	2 from 20	(duo = 2, viginti = 20)
<i>Greek</i>	okto kai deka	8 and 10	(okto = 8, deka = 10)
40			
<i>English</i>	forty	4 x 10	(ten becomes ty)
<i>Welsh</i>	de-ugeint	2 x 20	(de from dau = 2, ugeint = 20)
<i>Hebrew</i>	arba-im	4s	arba = 4, im is the plural ending)
<i>Yoruba</i>	ogoji	20 x 2	(from ogun = 20, eeji = 2)
<i>Chinese</i>	szu-shih	4 x 10	(szu = 4, shih = 10)
<i>Sanskrit</i>	catvarim-sat	4 x 10	(catvarah = 4, sat from dasa = 10)
<i>Mayan</i>	ca-ikal	2 x 20	(ca = 2, kal is suffix for 20)
<i>Latin</i>	quadraginta	4 x 10	(quad = 4, ginta from decem = 10)
<i>Greek</i>	tettarakonto	4 x 10	(tettara = 4, kunta from deka = 10)

Tuy được diễn tả khác nhau, các con số, khi *hoạt động* (nghĩa là được dùng làm toán), đều phải tuân theo các định luật của *toán học*. Tương tự như vậy, chữ nghĩa của các dân tộc là khác nhau, nhưng khi chữ nghĩa *hoạt động* (nghĩa là được viết thành câu), chúng đều phải tuân theo các định luật căn bản của *ngôn ngữ của con người*.

Nói tóm lại, các định luật căn bản của ngôn ngữ của con người trên Trái Đất, giống như tất cả các định luật khoa học khác, không phải do con người sáng tạo ra, mà chỉ là những khám phá của con người. Ngôn ngữ của các dân tộc, dùng ký hiệu khác nhau, phát âm khác nhau, và cách diễn tả ý nghĩa khác nhau, đều phải *hoạt động* theo những định luật chung của ngôn ngữ của con người. *Nói khác đi, chỉ có một văn phạm chung; mỗi dân tộc áp dụng văn phạm chung này vào ngôn ngữ của mình, cho phù hợp với các đặc tính riêng của ngôn ngữ ấy. Đó là một vấn đề thuộc về kỹ thuật. Kỹ thuật có nhiều; khoa học ngôn ngữ chỉ có một.*

Dưới đây là biểu đồ cho thấy ý nghĩa
của
các định luật chung của ngôn ngữ của con người.



Một vài nhà ngôn ngữ học Việt Nam cho rằng, văn phạm Tiếng Việt là “bất chước” theo văn phạm Tiếng Pháp. Những người này cho rằng văn phạm Tiếng Việt phải có các định luật khác với các định luật chung, mà văn phạm Tiếng Pháp đã áp dụng. Nói như vậy, chẳng khác nào nói rằng, tại Việt Nam, sức đẩy của nước không theo định luật của Archimedes; lực và phản lực không theo các định luật về chuyển động của Newton. Đi tìm “các định luật riêng” cho văn phạm Tiếng Việt, chẳng khác nào bảo các kỹ sư Việt Nam, trong ngành thiết kế máy móc chẳng hạn, không được “bất chước” các định luật vật lý và hóa học trong kho tàng tri thức có sẵn của thế giới, mà phải “sáng tạo” ra các định luật “riêng của Việt Nam” để chế tạo máy móc.

Kỹ thuật, tức là cách áp dụng các định luật khoa học, thì có nhiều, nhưng khoa học chỉ có một. Tương tự như vậy, áp dụng các định luật của ngôn ngữ của con người vào các ngôn ngữ khác nhau trên Trái Đất, thì có nhiều cách, nhưng văn phạm chung chỉ có một.

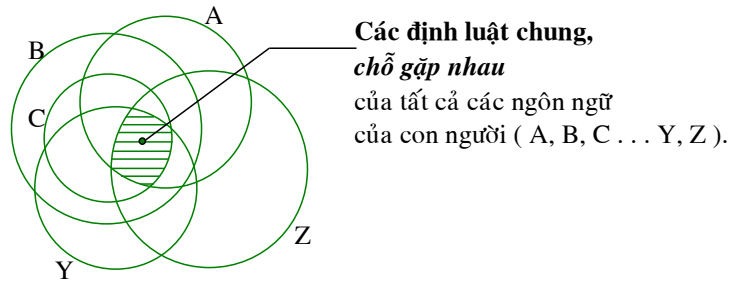
Trong *Việt Nam văn phạm*, các tác giả Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, và Phạm Duy Khiêm, đã mở một con đường đúng cho văn phạm Việt Nam, khi lấy những định luật căn bản của ngôn ngữ của con người, có sẵn trong *văn phạm Pháp*, để áp dụng vào Tiếng Việt.

Văn phạm căn cứ vào luận lý hình thức (formal logic), nghĩa là chỉ xét một câu, là được viết đúng hay không đúng, và chính xác hay không chính xác, nhưng không xét về nội dung, tức ý nghĩa, của câu ấy.

Ngôn ngữ là phương tiện thông tin giữa con người với nhau. **Văn phạm chung**, tức các **định luật chung**, dùng cho mọi ngôn ngữ của con người trên Trái Đất, giống như các **kết (codes)** của ngôn ngữ thảo chương (programming language) trong khoa học điện toán (computer science).

Không có văn phạm chung, cho ngôn ngữ của con người, các dân tộc khác nhau trên Trái Đất, với ngôn ngữ khác nhau, và cách diễn tả ý nghĩ khác nhau, không thể thông tin với nhau, vì người ta không thể dịch (to translate) từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia. Bởi có cấu trúc giống nhau, cũng gọi là đẳng cấu (isomorphism), của mọi ngôn ngữ của những dân tộc khác nhau, người ta mới có thể dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia. Bởi dịch được, con người trên Trái Đất mới thông tin với nhau được.

Văn phạm chung, tức là các **định luật chung**, là **chỗ gặp nhau (intersection)** của tất cả các ngôn ngữ của con người, trên Trái Đất.



Ghi chú

Phần trắng là **phần khác nhau** của các ngôn ngữ, bởi các đặc tính của từng ngôn ngữ.

3.6 Phân biệt phần khác nhau và *chỗ gặp nhau* của ngôn ngữ của con người

Phần khác nhau, bởi các đặc tính của từng ngôn ngữ, gồm có hai phần.

(1) Các đặc tính ngôn ngữ học:

- *đa âm và đơn âm (polysyllabic & monosyllabic);*
- *đơn từ và đa từ (monolexic & polylexemic);*
- *biến dạng và không biến dạng (inflectional & non-inflectional);*
- *cách diễn tả ý nghĩ của từng dân tộc.*

(2) Các đặc tính văn phạm. Dùng 3 ngôn ngữ Anh, Pháp, và Việt, để làm ví dụ.

Phần khác nhau, bởi các đặc tính của từng ngôn ngữ	<i>Chỗ gặp nhau của tất cả các ngôn ngữ của con người</i>
<p>1 Danh từ (noun/ nom)</p> <p>Anh Biến dạng theo định tính (xác định, bất định); Biến dạng theo định lượng (số ít, số nhiều).</p> <p>Pháp Biến dạng theo định tính; Biến dạng theo định lượng; Biến dạng theo giống (giống cái, giống đực)</p> <p>Việt Không biến dạng.</p>	<p><i>Danh từ là chữ, hay nhóm chữ, dùng để gọi tên một vật chất (cụ thể), hay một ý niệm (trừu tượng).</i></p>
<p>2 Động từ (verb/ verbe)</p> <p>Anh Biến dạng; Cho thấy thể cách và thời gian.</p> <p>Pháp Biến dạng; Cho thấy thể cách và thời gian.</p> <p>Việt Không biến dạng; Không cho thấy thể cách và thời gian.</p>	<p><i>Động từ là chữ dùng để thể hiện một động tác, một hành động, một việc xảy ra, hay một tình trạng hiện hữu.</i></p> <p><i>Động từ là cốt lõi của một mệnh đề hay một câu.</i></p>

<p>3 <i>Tính từ (adjective/ adjectif)</i></p> <p>Anh Không biến dạng; Đứng trước danh từ mà nó cho thông tin.</p> <p>Pháp Biến dạng theo định lượng và theo giống; Thông thường, đứng sau danh từ.</p> <p>Việt Không biến dạng; Thông thường, đứng sau danh từ.</p>	<p><i>Tính từ là chữ, hay nhóm chữ, cho thông tin về một danh từ.</i></p>
<p>4 <i>Trạng từ (adverb/ adverbe)</i></p> <p>Anh Không biến dạng; Đứng trước hoặc sau chữ mà nó cho thông tin.</p> <p>Pháp Không biến dạng; Thông thường, đứng sau chữ mà nó cho thông tin.</p> <p>Việt Không biến dạng; Đứng trước hoặc sau chữ mà nó cho thông tin.</p>	<p><i>Trạng từ là chữ, hay nhóm chữ, cho thông tin về 1 trong 5 loại chữ: động từ, tính từ, trạng từ khác, giới từ, liên từ.</i></p>
<p>5 <i>Giới từ (preposition/ préposition)</i></p> <p>Anh Biến dạng; được dùng chính xác.</p> <p>Pháp Biến dạng; được dùng chính xác.</p> <p>Việt Không biến dạng; được dùng linh động; Có thể vắng mặt (tính lược).</p>	<p><i>Giới từ là chữ cần thiết dùng để kết hợp hai chữ khác nhau, để tạo nên ý nghĩa; nếu không có giới từ để kết hợp, hai chữ ấy đứng liền nhau sẽ không có nghĩa, hoặc không rõ nghĩa.</i></p>
<p>6 <i>Liên từ (conjunction/ conjonction)</i></p> <p>Anh Không biến dạng; được dùng chính xác.</p> <p>Pháp Biến dạng; được dùng chính xác.</p> <p>Việt Không biến dạng; Được dùng chính xác; Có thể vắng mặt (tính lược).</p>	<p><i>Liên từ là chữ dùng để nối các chữ, hay nhóm chữ, hay tập hợp chữ, tương đương.</i></p>

<p>7 <i>Mạo từ (article/ article)</i></p> <p>Anh Biến dạng theo định tính và định lượng của danh từ mà nó cho thông tin.</p> <p>Pháp Biến dạng theo định tính và định lượng của danh từ mà nó cho thông tin; Biến dạng theo giống của danh từ.</p> <p>Việt Không biến dạng; Mù mờ, và không chính xác; Có thể vắng mặt (tính lược).</p>	<p><i>Mạo từ là chữ dùng để cho thông tin về danh từ đứng liền sau nó; thông thường, mạo từ cho thông tin về: định tính (xác định hay bất định), định lượng (số ít hay số nhiều), giống (đực, cái, hay trung tính), v.v.</i></p>
<p>8 <i>Mệnh đề & Câu (clause/ proposition & sentence/ phrase)</i></p> <p>Không có gì khác nhau.</p> <p>Tất cả ngôn ngữ của con người, ở trình độ cao, đều có cấu trúc giống nhau (isomorphic).</p>	<p><i>Mệnh đề là một tập hợp chữ có một, và chỉ một, động từ. Một mệnh đề có thể tự nó có đầy đủ ý nghĩa, hoặc chưa đầy đủ ý nghĩa, và cần phải nhận thêm thông tin từ một mệnh đề khác.</i></p> <p><i>Câu là một tập hợp của các mệnh đề. Trong một câu có nhiều mệnh đề, mỗi mệnh đề là một tập hợp nhỏ của câu ấy.</i></p> <p><i>Một mệnh đề có cấu trúc là một tập hợp như sau:</i> Mệnh đề = { chủ từ, động từ, túc từ }. • Thứ tự của chủ từ, động từ, và túc từ không thành vấn đề; • Tùy trường hợp, tập hợp trên có thể vắng mặt chủ từ (tính lược), hoặc không có túc từ, nhưng không thể không có động từ.</p>

Tóm lại, nếu không có các định luật chung của ngôn ngữ của con người, các dân tộc khác nhau trên Trái Đất không thể thông tin với nhau.

H ậ n g t ừ c h ố t – key terms/ termes clé

1	ánh xạ	mapping, function <i>mappage, fonction</i>
2	câu	sentence <i>phrase</i>
3	cấu trúc giống nhau (đẳng cấu)	isomorphism; isomorphic <i>isomorphisme; isomorphique</i>
4	chủ ngữ	subject <i>sujet</i>
5	chữ	word <i>mot</i>
6	dịch	to translate; translation <i>traduire; traduction</i>
7	hiện hữu	existence; to exist <i>existence; exister</i>
8	khoa học	science <i>science</i>
9	kỹ thuật	technology <i>technologie</i>
10	luận lý học	logic <i>logique</i>
11	luận lý hình thức	formal logic <i>logique formelle</i>
12	mệnh đề	clause <i>proposition</i>
13	ngôn ngữ của con người	human language <i>langage humain</i>
14	ngôn ngữ thảo chương	programming language <i>langue de programmation</i>
15	phép toán	operation <i>fonctionnement</i>
16	phương tiện thông tin	means of communication <i>moyen de communication</i>
17	tập hợp	set <i>ensemble</i>
18	tập hợp nhỏ	subset <i>sous-ensemble</i>
19	thông tin	to communicate; communication <i>communiquer; communication</i>
20	tương ứng từ-một-đến-một	one-to-one correspondence <i>correspondance tête-à-tête</i>
21	vị ngữ	predicate <i>prédicat</i>